

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
NGÀNH GDĐT HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024

DANH SÁCH GHI ĐIỂM KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN BẮC TRÀ MY NĂM 2024
(Kèm theo Thông báo số #sovb/TB-HĐTDVC ngày #nbh/5/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
01	0265	Bhnróch Thị Bonh	13	4	1995	Đông Giang, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		58,8		5,0	63,8	
02	0266	Hồ Thị Chiến	20	02	1998	Phước Sơn, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		66,0		5,0	71,0	
03	0267	Trần Thị Diễm	15	5	1995	Nam Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		68,6		5,0	73,6	
04	0268	Hồ Thị Diên	20	5	1997	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		46,7		5,0	51,7	
05	0269	Nguyễn Thị Ly Dương	01	01	1993	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		56,4			56,4	
06	0270	Lê Thị Lan Duyên	14	11	1992	Thăng Bình, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		59,8			59,8	
07	0271	Nguyễn Thị Hà Giang	24	11	1994	Tam Kỳ, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		65,3			65,3	
08	0272	Nguyễn Thị Thu Hà	03	02	1995	Quế Sơn, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		65,2			65,2	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
09	0273	Nguyễn Thị Hằng	06	02	1997	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		41,3		5,0	46,3	
10	0274	Phan Thị Hiệp	14	4	1995	Thăng Bình, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm					0,0	Vắng thi
11	0275	Nguyễn Thị Nhật Hoà	01	5	1997	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		56,2			56,2	
12	0276	Trần Thị Lép	10	10	1997	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		53,1		5,0	58,1	
13	0277	Trần Thị Mi	15	5	1995	Nam Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		73,0	71,5	5,0	76,5	
14	0278	Nguyễn Thị Thanh Ngân	20	11	1995	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		63,3			63,3	
15	0279	Nguyễn Văn Quốc	04	4	1994	Điện Bàn, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		62,0			62,0	
16	0280	Phan Thị Thu Tân	24	8	1993	Thăng Bình, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		57,8			57,8	
17	0281	Phạm Thị Thanh	10	11	1997	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm					0,0	Vắng thi
18	0282	Nguyễn Thị Thu Thảo	07	4	1995	Núi Thành, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		51,9			51,9	

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
19	0283	Trung Thị Thảo	20	12	1997	Bắc Trà My, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		65,0		5,0	70,0	
20	0284	Zơ Râm Thuận	08	8	1991	Nam Giang, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	Dân tộc thiểu số	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		63,2		5,0	68,2	
21	0285	Nguyễn Thị Xuân Thủy	04	8	1997	Tam Kỳ, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		70,2			70,2	
22	0286	Nguyễn Hữu Tiên	11	3	1989	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		58,5			58,5	
23	0287	Nguyễn Đồng Cẩm Tiên	09	11	2000	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		63,8			63,8	
24	0288	Phan Thị Thủy Tiên	13	10	1997	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	12	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		74,2			74,2	
25	0289	Trần Thị Trang	17	6	1981	Tư Nghĩa, Quảng Ngãi	Giáo viên Sinh học-THCS	-	13	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		68,7			68,7	
26	0290	Phạm Thị Thuý Trinh	08	10	1993	Phú Ninh, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	13	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		81,2			81,2	Trúng tuyển
27	0291	Cao Phan Ngọc Trinh	11	01	1983	Hiệp Đức, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	13	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		54,2			54,2	
28	0292	Nguyễn Thị Tứ	20	12	1990	Tiên Phước, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	13	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		80,6			80,6	Trúng tuyển

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Quê quán	Vị trí dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Phòng thi	Đơn vị đăng ký dự tuyển (Trường)		ĐIỂM SỐ				Kết quả
			Ngày	Tháng	Năm					Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Điểm thi vòng 2	Điểm phúc khảo/ chấm lại	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
29	0293	Trần Thị Tươi	24	6	1995	Núi Thành, Quảng Nam	Giáo viên Sinh học-THCS	-	13	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		63,7			63,7	
30	0294	Đào Thị Yến	27	7	1991	Gia Viễn, Ninh Bình	Giáo viên Sinh học-THCS	-	13	PTDTBT THCS Nguyễn Bình Khiêm		62,7			62,7	